KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN: TOÁN LỚP 2C

Tên bài học: SỐ BỊ TRỪ-SỐ TRỪ-HIỆU(TIẾT 2)

Tuần: 2 Tiết: 7 Ngày dạy: 12/9/2023

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Có ý thức tự giác, cố gắng trong học tập

- Có ý thức giúp đỡ bạn bè trong học tập

- Có ý thức, trách nhiệm, thật thà trong việc đánh giá kết quả học tập của bản thân và bạn bè.

- Có thói quen trao đổi, giúp đỡ trong học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.

-Có thói quen tích cực, tự giác tham gia vào các nhiệm vụ học tập.

- Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính trừ.

- Ồn tập phép trư trong phạm vi 10, 100

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TG | HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS |
|  | 1.KHỞI ĐỘNG  - GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh nhất?”  + GV đọc phép tính, HS làm trên bảng con (đội 1: tính ngang, đội 2: đặt tính).  -Trong một đội, ai nhanh nhất, đúng nhất được gắn thẻ lên bảng.  69 - 21 = 48  69  -  21  48  - Cả lớp nhận xét  - GV nhận xét | -Hs tham gia chơi  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe |
|  | 2. LUYỆN TẬP,THỰC HÀNH  *Hoạt động 1. Nhắc lại tên gọi các thành phần của phép trừ*  -GV viết lại phép tính lên bảng lớp:  41 - 21 = 20  - GV lần lượt chi vào 20, 21,41, HS nói tên các thành phần: số bị trừ, số trừ, hiệu  41-21=20  41 Số bị trừ.  21 Số trừ.  20 Hiệu.  -GV nhắc lại tên các thành phần: số bị trừ, số trừ, hiệu. | -Hs quan sát  -HS trả lời  Số bị trừ: 69; số trừ: 21; Hiệu: 48  -Hs lắng nghe |
|  | *Hoạt động 2: Luyện tập*  *\*Gọi tên các thành phần của phép trừ*   * HS (nhóm đôi) gọi tên các thành phần của các phép trừ (theo mẫu). * GV nên đưa thêm một số phép trừ khác. Chẳng hạn: 7 - 5 = 2, 74 + 31 = 43 , 96 + 6 = 69,...   \**Viết phép trừ*  -GV hướng dẫn HS viết phép trừ ( hàng ngang và đặt tính):  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang  nội dung mới.  Bài 1:  - HS tìm hiểu bài, nhận biết tính hiệu là thực hiện phép tính trừ  - HS thực hiện (bảng con).  *- HD HS sửa bài:*  + HS làm trên bảng lớp  + HS gọi tên các thành phần của phép tính.  - GV nhận xét, củng cố | -HS viết phép trừ  -HS khác nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS nêu yêu cầu bài tập  -HS thực hiện  -Hs lắng nghe. |
|  | Bài 2:  - Tìm hiểu bài.   * Yêu cầu của bài là gi? (Tính nhẩm)   - HS làm bài theo nhóm đôi (đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe).  - HS nê  - Gv nhận xét | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS trả lời  -HS lắng nghe, bổ sung.  -HS lắng nghe. |
|  | Bài 3:  - Tìm hiểu bài   * Yêu cầu của bài là gì? (Số?). * Tìm thế nào?   (Dựa vào sơ đồ tách - gộp số, tính từ trên xuống: 8gồm 3 và 5; 3 gồm 2 và 1. Tiếp theo: 5 gồm 1 và mấy?).   * HS làm bài theo nhóm đôi.   Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm  Bài 4:   * Tìm hiểu bài. * Yêu cầu của bài là gì? (Số?). * Tìm thế nào? (Dựa vào sơ đồ tách - gộp số, thao tác tách để tìm số thích hợp thay cho dấu (?) * HS làm bài. * GV lưu ý HS dựa vào cách tách để kiểm ửa kết quả.   Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -Các nhóm thực hiện yêu cầu.  -Các nhóm trình bày kết quả. |
|  | Bài 5:   * Tìm hiểu, nhận biết: hiệu của hai số trên mỗi bó cỏ là số của con bò. Ví dụ: Hiệu của 25 và 20 là 5, đây là bó cỏ của con bò số 5. * Gv cho cả lớp hoạt động nhóm đôi. * Các nhóm thảo luận và trình bày kết quả * Gv cho cả lớp nhận xét, bổ sung. * Gv nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS trả lời  -HS lắng nghe, bổ sung.  -HS lắng nghe. |
|  | 4/Hoạt động nối tiếp:  Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau. | *-HS lắng nghe, thực hiện* |

IV/ Điều chỉnh sau bài dạy ( nếu có)